

Số: 342../TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐỀ	11423...
Ngày:	15-03-2021
Chuyên:	XNK Căn cứ
Số và ký hiệu HS:	Căn cứ

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục
hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để
kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu,
nhập khẩu;

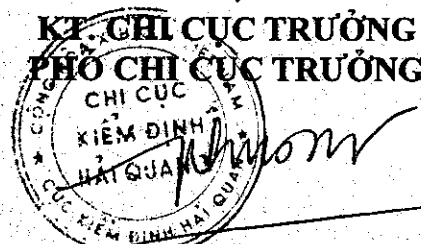
Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 06 năm 2017 của
Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt
Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với
mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103836233322/A12 ngày 08 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần TOMOTO.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Bến Lức - Cục Hải quan tỉnh Long An.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 05/BL ngày 22 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 276/KĐ3-NV ngày 23 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Huỳnh Lê Ngọc Tuyết.
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm./

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



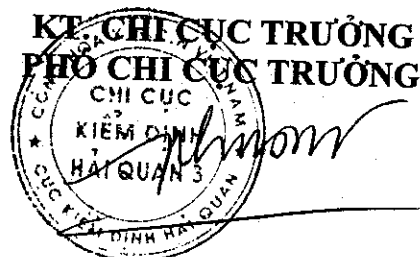
Nguyễn Thị Thanh Phương

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 342/TB-KĐ3, ngày 10 tháng 03 năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Polyurethane nguyên sinh dạng sệt, dùng làm nguyên liệu trong sản xuất màng nhựa. Item code: TAKELAC PP-2450FX, nhà SX: MITSUI, hàng mới 100%.	Chất kết dính Polyurethane hai thành phần, thành phần chính là polyeste polyol nguyên sinh, dạng lỏng. (Mục 1 kết hợp với mục 2 theo tỉ lệ 1/2 để tạo thành chất kết dính hai thành phần đi từ polyurethane, không dung môi, dạng lỏng).	3506.91.00	Số 7161/TB-TCHQ ngày 27/07/2016.
2	Mục 2: Polyurethane nguyên sinh dạng sệt, dùng làm nguyên liệu trong sản xuất màng nhựa. Item code: TAKENATE I-2450A, nhà SX: MITSUI, hàng mới 100%.	Chất kết dính Polyurethane hai thành phần, thành phần chính là polyisocyanate nguyên sinh, dạng lỏng. (Mục 1 kết hợp với mục 2 theo tỉ lệ 1/2 để tạo thành chất kết dính hai thành phần đi từ polyurethane, không dung môi, dạng lỏng).	3506.91.00	Số 7357/TB-TCHQ ngày 01/08/2016.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 344 /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN: *CS*

Ngày: 15-03-2021

Chuyên: *DNK*

Số và ký hiệu HS: *m*

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103841941932/A12 ngày 17 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH SAMYANG EP Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Nhơn Trạch - Cục Hải quan Tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 17/PTPL-NT-NV1 ngày 20 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 325/KĐ3-NV ngày 03 tháng 3 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Trần Thị Phương Thảo.
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK : Theo phụ lục đính kèm. *mm*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Phương

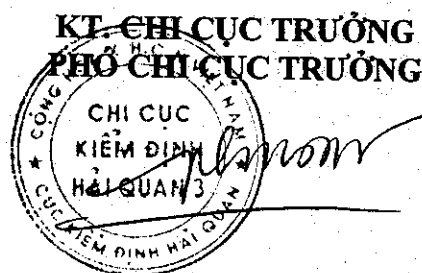
Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số...344.../TB-KĐ3, ngày...10...tháng...03...năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 7: Chất chống cháy (TP chính: Phosphazene polymer)-HPCTP-JW01	Chế phẩm chống cháy cho plastic có thành phần chính là Poly(bis(phenoxy) phosphazene, dạng bột.	3824.99.99	Số 2303/TB-TCHQ ngày 10 tháng 04 năm 2020
2	Mục 38: Chất Bôi Tron (giảm ma sát), hàng mới 100%- LUBRICANT INCROMAX 100, k.hoa tk: 103496850551 mục 5	Sáp nhân tạo từ hỗn hợp este của axit béo.	3404.90.90	Số 8066/TB-TCHQ ngày 27 tháng 06 năm 2014



Nguyễn Thị Thanh Phụng

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 345 /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN:
Ngày: 15-03-2021
Chuyển: <i>DNMC</i>
Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

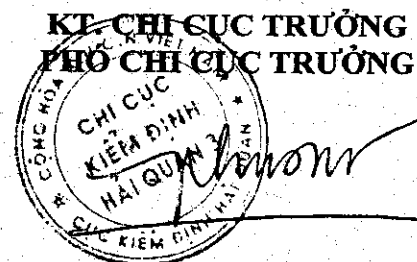
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103827531362/A12 ngày 03 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty TNHH Shyange Paint.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Long Thành - Cục Hải quan Tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 19/PTPL-NV2 ngày 18 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 319/KĐ3-NV ngày 01 tháng 3 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Trần Thị Phương Thảo.
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK : Theo phụ lục đính kèm. *mm*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

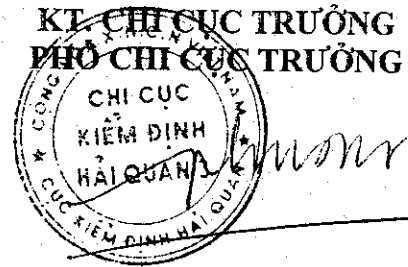
Phụ lục

(Kèm theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số...345.../TB-KĐ3, ngày...10.tháng.03.năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Phụ gia của sơn, dạng lỏng (Nguyên liệu pha sơn làm chậm khô sơn) - ADDITIVE 3027 (Hàng công ty mới nhập khẩu lần đầu)	Chất hữu cơ hoạt động bề mặt dạng không phân ly, có thành phần từ silicon biến tính, dạng lỏng.	3402.13.90	Số 11967/TB-TCHQ ngày 17 tháng 12 năm 2015
2	Mục 2: Phụ gia của sơn, dạng lỏng (Nguyên liệu pha sơn làm tăng độ bóng sơn) - ULTRAVIOLET ABSORBER UV-30 (Hàng công ty mới nhập khẩu lần đầu)	Chế phẩm ổn định cho plastic, có thành phần chính là hỗn hợp dẫn xuất của benzotriazol và phụ gia, dạng lỏng.	3812.39.00	Số 6495/TB-TCHQ ngày 05 tháng 11 năm 2018
3	Mục 3: Phụ gia của sơn, dạng lỏng (Nguyên liệu pha sơn làm tăng độ bóng sơn) - ULTRAVIOLET ABSORBER UV-22 (Hàng công ty mới nhập khẩu lần đầu)	Chế phẩm ổn định cho plastic, có thành phần chính là hỗn hợp dẫn xuất của sebacate và dẫn xuất của quinoline, dạng lỏng.	3812.39.00	Số 6495/TB-TCHQ ngày 05 tháng 11 năm 2018
4	Mục 4: Phụ gia của sơn, dạng lỏng (Nguyên liệu pha sơn làm tăng độ bóng sơn) - ANTIOXYGEN 905 (Hàng công ty mới nhập khẩu lần đầu)	Chế phẩm chống oxy hóa cho plastic, có thành phần chính là hỗn hợp dẫn xuất của sebacate và dẫn xuất của phenol, dạng lỏng.	3812.39.00	Số 6495/TB-TCHQ ngày 05 tháng 11 năm 2018

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Lưu ý: Mục 2, 3, 4 – Tài liệu kỹ thuật không phù hợp với kết quả phân tích.



Nguyễn Thị Thanh Phượng



Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 348./TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐỀ
Ngày: 15-03-2021
Chuyên: XNK
Số và ký hiệu HS: Căn cứ

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Số và ký hiệu HS: Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

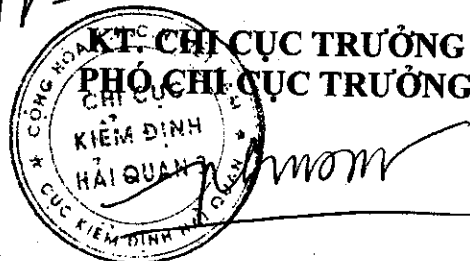
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Mục 3: Phụ gia (Tên thương mại CDP, thành phần: Myristamidopropyl PG-Dimonium Chloride Phosphate), cas no: 83682-78-4, dạng lỏng, không màu đến vàng, dùng để sản xuất khăn ướt, mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103820084911/A12 ngày 30 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH KLEEN-PAK INDUSTRIES (Việt Nam).
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Quản lý hàng XNK ngoài KCN - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 48/NKCN ngày 23 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 283/KĐ3-NV ngày 24 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Đinh Thanh Hà.
8. **Kết quả phân tích:** Chất hữu cơ hoạt động bề mặt lưỡng tính, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3402.19.90
(Phân loại trên cơ sở thông báo kết quả phân loại số 3153/TB-TCHQ ngày 27 tháng 03 năm 2014 của Tổng Cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3, HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **349** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng **03** năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐỀ TÀI SỐ:

Ngày: 15-03-2021

Chuyên:.....*DNIC*.....

Số và ký hiệu HS:.....*m*.....

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

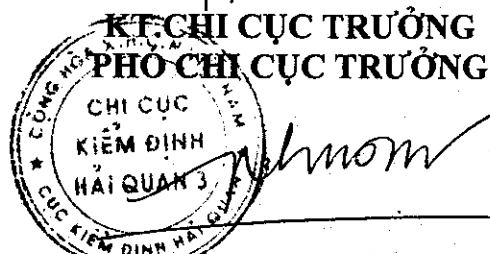
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Polyisocyanat trong hỗn hợp dung môi (Ethyl acetate, Butyl acetate...), dạng lỏng (CAS:00141-78-6).MODIFIED POLYISOCYANATE CORONATE 2037.
2. Tờ khai hải quan: Số 103826248743/A12 ngày 08 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH vật liệu KHKT Triển Vũ Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Nhơn Trạch - Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 15/PTPL-HQNT-NV1 ngày 19 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 314/KĐ3-NV ngày 01 tháng 3 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Phương Thúy
8. **Kết quả phân tích:** Dung dịch polyisocyanat trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi nhỏ hơn 50% trọng lượng dung dịch
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3911.90.00
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 11328/TB-TCHQ ngày ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Tổng Cục Hải quan.) *m*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 350 /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

ĐỀ TÀI:

Ngày: 15 -03- 2021

Chuyên: .../.../...

Số và ký hiệu HS: .../.../...

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

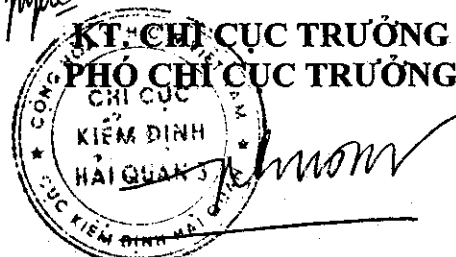
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Chế phẩm dầu trung có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, chủ yếu hàm lượng là các cấu tử không thơm dùng sản xuất dầu nhờn, dầu bôi trơn ESOL-P17H, CAS: 64742-48-9 mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103827123263/A12 ngày 03 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Kỹ Thuật I & U.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Phú Mỹ - Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 192/HQPM-PTPL/PSA ngày 05 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 250/KĐ3-NV ngày 17 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Dương Quốc Hùng
8. **Kết quả phân tích:** Hỗn hợp hydrocarbon thuộc phân đoạn nhẹ, thành phần chứa các hydrocarbon từ C9-C12, điểm sôi đầu IBP ở 194⁰C, 98% thể tích ở nhiệt độ 208⁰C, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2710.12.70
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 4001/TB-TCHQ ngày 09 tháng 07 năm 2018 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số 351 /TB-KĐ3

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐỀ: - SK:

Ngày: 15 -03- 2021

Chuyên: DNIC

Số và ký hiệu HS:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

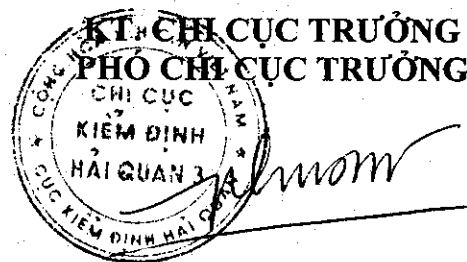
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Chế phẩm dầu bôi trơn dùng trong quá trình kéo sợi thép EH-200, thành phần gồm : Mineral oil..., mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103788706121/A12 ngày 18 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thép KOS Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Nhơn Trạch - Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 07/PTPL-HQNT-NV1 ngày 22 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 251/KĐ3-NV ngày 18 tháng 02 năm 2021,
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Dương Quốc Hùng
8. **Kết quả phân tích:** Chế phẩm bôi trơn chứa dưới 70% khối lượng dầu có nguồn gốc dầu mỏ, không chứa dầu silicon, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3403.19.19
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 6306/TB-TCHQ ngày 06 tháng 07 năm 2016 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Số: 352 /TB-KĐ3	
TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN: S.A.:
Ngày: 15-03-2021	
Chuyên: DNIC
Số và ký hiệu HS: m

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

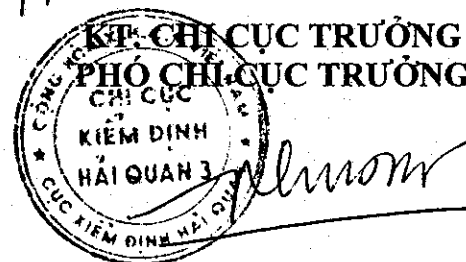
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Dầu bôi trơn dạng lỏng-KHS Gear Fluid 460 02-22L, dùng cho máy xếp pallet tự động, mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103783964762/A12 ngày 14 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Nutifood Bình Dương.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Khu công nghiệp Mỹ Phước - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 06/MP-PTPL ngày 18 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 287/KĐ3-NV ngày 24 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Dương Quốc Hùng
8. **Kết quả phân tích:** Chế phẩm bôi trơn chứa trên 70% dầu có nguồn gốc dầu mỏ, thuộc phân đoạn nặng, dạng lỏng
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2710.19.43
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 7779/TB-TCHQ ngày 25 tháng 06 năm 2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **353** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng **03** năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐỀ
Ngày:	15-03-2021
Chuyên:.....	Căn cứ
Số và ký hiệu HS:.....	Căn cứ

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

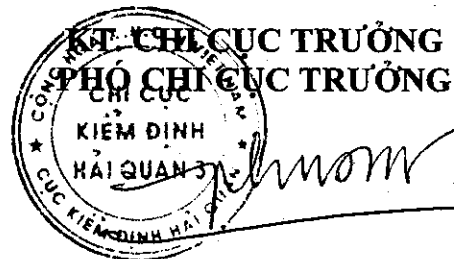
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Mục 6. Hóa chất xử lý vải dệt (9610 WIN-GN).
2. Tờ khai hải quan: Số 103791902211/A12 ngày 18 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty Hualon Corporation Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Nhơn Trạch - Cục Hải quan Tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 05/PTPL-HQNT-NV1, ngày 21 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 181/KĐ3-NV ngày 29 tháng 01 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Đào Thị Hồng Châu
8. **Kết quả phân tích:** Sáp nhân tạo từ hợp chất amide.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3404.90.90
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 2721/TB-TCHQ ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phượng

Số: **354**/TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng **03** năm **2021**

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN: 1.1.423
Ngày: 15-03-2021
Chuyên: AMIC
Số và ký hiệu HS:

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/06/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103831083531/A12 ngày 22 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH U&D GROUP.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Quản lý hàng XNK ngoài KCN - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 47/NKCN ngày 22 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 279/KĐ3-NV ngày 24 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Hương Giang
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điều 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.

KHI CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC
KIỂM ĐỊNH
HẢI QUAN 3

Nguyễn Phương Nhi

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 354/TB-KĐ3, ngày 11. tháng 03 năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Sản phẩm dệt (ART NO:B080) Dạng cuộn khổ 148cm, gồm: Lớp vải dệt thoi từ các sợi màu khác nhau, thành phần sợi filament polyester được tạo dún, ép dán một mặt. Mối 100%;	Vải dệt thoi dệt từ các sợi có màu khác nhau (tạo mặt phải vải, chiếm 73,8% trọng lượng), thành phần filament polyeste dún từ 85% trở lên, sợi không đạt độ bền cao; được ép dán một mặt với lớp sản phẩm không dệt màu đen từ xơ staple polyeste (chiếm 26,2% trọng lượng). Mẫu dạng cuộn, khổ 148 cm, định lượng mẫu 278 g/m ² .	5407.53.00	Số 1493/TB-TCHQ ngày 10/3/2017
2	Mục 2: Sản phẩm dệt (ART NO: 643#) Dạng cuộn khổ 146cm, gồm: Lớp vải dệt thoi từ các sợi màu khác nhau, thành phần sợi filament polyester được tạo dún, ép dán một mặt. Mối 100%;	Vải dệt thoi, loại vải sonin (chenille) từ xơ polyeste, đã được tráng phủ một mặt, trọng lượng 198 g/m ² ; dạng cuộn, khổ 146 cm.	5801.36.10	Số 2814/TB-TCHQ ngày 06/04/2016

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

3	Mục 3: Sản phẩm dệt (ART NO: 670#) Dạng cuộn khổ 148cm, gồm: Lớp vải dệt thoi từ các sợi màu khác nhau, thành phần sợi filament polypropylene được tạo đùn, ép dán một mặt. Mới 100%;	Vải dệt thoi, thành phần từ 100% filament polypropylen, màu trắng, chưa được ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp; trọng lượng 214 g/m ² ; dạng cuộn, khổ 148 cm.	5407.71.00	Số 7111/TB- TCHQ ngày 13 tháng 06 năm 2014
4	Mục 4: Sản phẩm dệt (ART NO: A02) Dạng cuộn khổ 148cm, gồm: Lớp vải dệt thoi từ các sợi màu khác nhau, thành phần sợi filament polyester được tạo đùn, ép dán một mặt. Mới 100%;	Vải dệt thoi từ các sợi có màu khác nhau (tạo mặt phải vải), chiếm 86,3% trọng lượng, thành phần filament polyeste đùn từ 85% trở lên, sợi không đạt độ bền cao, được ép dán một mặt với lớp vải dệt thoi từ polyeste, màu trắng, chiếm 13,7% trọng lượng; mẫu dạng cuộn, khổ 148 cm, định lượng mẫu 272 g/m ² .	5407.53.00	Số 1493/TB- TCHQ ngày 10 tháng 03 năm 2017
5	Mục 5: Sản phẩm dệt (ART NO: CC250-01) Dạng cuộn, khổ 148cm, gồm lớp vải dệt kim một mặt từ polyester được tạo đùn, ép dán một mặt với lớp vải dệt thoi từ polyester. Mới 100%;	Vải dệt kim tạo lông ngắn một mặt, thành phần từ 100% polyeste, lớp lông bề mặt có chiều dài nhỏ hơn 1mm, chưa được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, trọng lượng 205 g/m ² , dạng cuộn, khổ 152 cm.	6001.92.90	Số 4278 /TB- TCHQ ngày 12/05/2015
6	Mục 6: Sản phẩm dệt (ART NO: UDFUR-	Vải dệt kim tạo lông dài một mặt từ xơ nhân tạo,	6001.10.00	Số 9423/TB-

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu nhận tích

19) Dạng cuộn, khổ 148cm, gồm lớp vải dệt kim một mặt từ polyester được tạo dún, ép dán một mặt với lớp vải dệt thoi từ polyester. Mỡ 100%.	lớp lông bề mặt có chiều dài khoảng 10 mm, trọng lượng mẫu 376 g/m ² , khổ lớn hơn 1m.		TCHQ ngày 28/7/2014
---	---	--	---------------------------

KT: CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
 KIỂM ĐỊNH
 HẢI QUAN 3
 NGUYỄN PHƯƠNG NHI